TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 27/7/2020
V/v Tranh chấp HNGĐ ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ánh

Ông Lê Văn Vững

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thống Nhất - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Huỳnh Văn Sáng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 134/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020. Về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 289/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Văn Mười M, sinh năm: 1972.

Bị đơn: Nguyễn Thị G, sinh năm: 1976.

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã HT, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

(Ông M có mặt tại phiên tòa, bà G có đơn xin vắng mặt phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Nguyễn Văn Mười M trình bày: Ông và bà G sống chung với nhau từ năm 1991, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sống rất hạnh phúc sau đó xảy ra mâu thuẩn, đến năm 2009, vợ chồng phát sinh mâu thuẩn vợ bỏ gia đình đi, khi về nhà thì chửi chồng con, hiện nay ông không còn tình cãm nên yêu cầu được ly hôn với bà G.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Vũ Linh, sinh năm: 1991, Nguyễn Văn Nhanh, sinh năm 1994, Nguyễn Thị Thoại Mỹ, sinh năm: 1997, hiện các con đã trưởng thành có vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

***Bà Nguyễn Thị G trình bày*:** Bà và ông M sống chung từ năm 1991, trước kia có đăng ký kết hôn nhưng sau này giấy tờ thì chồng tôi giữ hết, bà không biết có đăng ký không, vợ chồng sống chung hạnh phúc được 20 năm thì ông M có quan hệ người khác nên vợ chồng xảy ra mâu thuẩn và ông M đã bỏ đi khoảng 6 năm nay thỉnh thoảng vài tháng về thăm bà và cho tiền bà. Hiện nay bà cũng không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 03 con chung tên Nguyễn Vũ L, sinh năm: 1991, Nguyễn Văn N, sinh năm 1994, Nguyễn Thị Thoại M, sinh năm: 1997, hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 71, 73, 234 Bộ luật tố tụng dân sự và những quy định khác của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1, Điều 9; khoản 1, Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông M và bà G; Về con chung các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét; Tài sản, nợ: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn Mười M ghi ngày 30/01/2020, quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn Nguyễn Thị G có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà G.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Mười M và bà Nguyễn Thị G sống chung từ năm 1991, không có đăng ký kết hôn, trong quá trình sống chung vợ chồng có hạnh phúc được hơn 20 năm thì xảy ra mâu thuẩn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và đã ly thân, vợ chồng không hàn gắn được tình cảm nên ông M yêu cầu được ly hôn, bà G đồng ý ly hôn.

Xét yêu cầu ly hôn của ông M đối với bà G vì cho rằng tình cảm không còn, hiện nay vợ chồng đã ly thân và từ thời gian ly thân đến nay hai bên không hàn gắn được và bà G cũng đồng ý ly hôn nhưng do hôn nhân của ông, bà không có đăng ký kết hôn nên đã vi phạm Điều 9 luật Hôn nhân gia đình Việt Nam; Tại khỏan 1 Điều 9 có ghi: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Và tại khoản 1 Điều 14 có ghi: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…".

Nên không công nhận quan hệ vợ chồng của ông Nguyễn Văn Mười M và bà Nguyễn Thị G.

[3] *Về con chung:* Có 03 con chung tên Nguyễn Vũ L, sinh năm: 1991, Nguyễn Văn N, sinh năm 1994, Nguyễn Thị Thoại M, sinh năm: 1997, hiện các con đã trưởng thành có vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[4] *Về tài sản chung:* Không có.

[5] *Về nợ chung*: Không có.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện phát biểu về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Và phát biểu về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết. Như đã nhận định ở phần trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14, 15, 53 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam; Khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng của ông Nguyễn Văn Mười M và bà Nguyễn Thị G.

- Về quan hệ nuôi con chung: Ông M và bà G thống nhất có 03 con chung tên Nguyễn Vũ L, sinh năm: 1991, Nguyễn Văn N, sinh năm 1994, Nguyễn Thị Thoại M, sinh năm: 1997, hiện các con đã trưởng thành có vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Ông Nguyễn Văn Mười M phải chịu án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm là 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số BH/2018/0007139, quyển số 0000143 ngày 30/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay ông M được quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án cấp trên. Đối với bà G được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND Tỉnh ĐT;
- VKSND cùng cấp;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án (M)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

NGUYỄN THANH MAI